TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 156/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 - 2022
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Kim Tiến.
2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 508/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 175/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Số 174C/2, khu L, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Ấp K, xã T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Hai bên đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 5 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông T.

Về con chung: bà X khai, bà X và ông T chung sống có 01 con chung tên Trần Nguyễn Phương K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khi ly hôn, bà X xin nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà X khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà X khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của ông Trần Văn T: ông T xác nhận lời trình bày của bà X về thời gian điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông T và bà X theo lời trình bày của bà X là đúng. Nay bà X xin ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung: ông T khai, ông T và bà X chung sống có 01 con chung tên Trần Nguyễn Phương K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà X nuôi và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông T có đăng ký tạm trú tại ấp T, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã H ngày 23 tháng 5 năm 2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Trần Văn T xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà X và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà X và ông T, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên thuận tình ly hôn nhưng do bà X và ông T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào điểm c mục 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Trần Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: bà X và ông T thống nhất khai, bà X và ông T chung sống có 01 con chung tên Trần Nguyễn Phương K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khi ly hôn, bà X và ông T thống nhất thỏa thuận: bà X được quyền nuôi con chung tên Trần Nguyễn Phương K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012. ông T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà X không yêu cầu. Mặt khác, cháu K đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng sống với bà X. Xét sự thỏa thuận giữa bà X và Thành là

phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[2.3] Về tài sản chung: bà X và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung bà X và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp

Căn cứ vào điểm c mục 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội

Căn cứ vào Điều 55, Điều 56, Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc X xin ly hôn với ông Trần Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc X được quyền nuôi con chung tên Trần Nguyễn Phương K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2012. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà X không yêu cầu.

ông T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu K mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật. bà X cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông T.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà X, ông T, người thân thích của cháu K, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà

nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: bà X và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về nợ chung: bà X và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc X phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai số 6714 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà X và ông T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp